

# **Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cái Kim Thoa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Vĩnh Phú	Tổng Giám đốc
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

Ông Phạm Vĩnh Phú được Ông Yung Cam Meng ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Thư ủy quyền số 88/UQ-ST8 ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61194318/22632963-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chinh Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Phạm Xuân Tuân  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>377.169.854.547</b>	<b>435.116.582.704</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>77.694.953.913</b>	<b>139.205.367.924</b>
111	1. Tiền		15.165.009.771	44.300.140.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		62.529.944.142	94.905.227.885
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>8.364.801.045</b>	<b>451.786.980</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	8.364.801.045	451.786.980
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>125.327.821.516</b>	<b>175.706.714.228</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	6	102.630.927.914	159.328.096.218
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.903.482.608	887.542.274
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		14.913.921.000	8.414.984.666
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.879.489.994	7.076.091.070
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>159.309.418.036</b>	<b>116.760.805.564</b>
141	1. Hàng tồn kho		159.584.367.692	117.051.204.257
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.949.656)	(290.398.693)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.472.860.037</b>	<b>2.991.908.008</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	649.743.909	830.447.600
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.131.477.719	1.143.382.103
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	691.638.409	1.018.078.305
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>95.822.018.148</b>	<b>97.254.515.901</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>6.232.835.000</b>	<b>6.398.935.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	37.500.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	6.232.835.000	6.361.435.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>22.684.733.963</b>	<b>21.886.046.331</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	22.684.733.963	21.886.046.331
222	Nguyên giá		72.412.506.001	64.110.493.345
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(49.727.772.038)	(42.224.447.014)
227	2. Tài sản vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		360.797.487	360.797.487
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(360.797.487)	(360.797.487)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>53.066.295.605</b>	<b>55.194.359.609</b>
231	1. Nguyên giá		77.469.580.978	77.469.580.978
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(24.403.285.373)	(22.275.221.369)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>145.418.182</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		145.418.182	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13	4.500.000.000	4.500.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.192.735.398</b>	<b>9.275.174.961</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	9.192.735.398	9.275.174.961
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>472.991.872.695</b>	<b>532.371.098.605</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>146.089.706.797</b>	<b>205.997.291.472</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>140.949.377.189</b>	<b>203.113.520.472</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	40.695.481.082	121.636.406.662
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	4.865.576.348	3.979.896.668
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.831.423.980	2.111.217.080
314	4. Phải trả người lao động		10.863.234.354	12.045.756.670
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	6.842.761.647	6.018.425.167
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		695.927.119	131.555.011
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.033.724.951	5.404.580.491
320	8. Vay ngắn hạn	19	60.456.854.985	48.121.290.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.140.329.608</b>	<b>2.883.771.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	4.633.771.000	2.883.771.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	506.558.608	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>326.902.165.898</b>	<b>326.373.807.133</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>326.902.165.898</b>	<b>326.373.807.133</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.1	257.209.020.000	257.209.020.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		257.209.020.000	257.209.020.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	24.175.537.934	24.287.023.132
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.854.481.932	8.837.286.088
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		15.321.056.002	15.449.737.044
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20.5	45.517.607.964	44.877.764.001
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>472.991.872.695</b>	<b>532.371.098.605</b>



Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	795.018.641.517	1.145.138.077.868
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	10.371.073.723	3.590.925.485
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	784.647.567.794	1.141.547.152.383
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	633.815.380.318	957.610.948.018
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		150.832.187.476	183.936.204.365
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	5.921.312.029	8.418.994.768
22	7. Chi phí tài chính		1.183.072.921	2.278.020.487
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.075.895.724	2.278.020.487
25	8. Chi phí bán hàng	23	88.623.590.817	109.968.792.592
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	49.664.069.285	59.660.624.522
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.282.766.482	20.447.761.532
31	11. Thu nhập khác	25	2.151.593.987	4.633.481.738
32	12. Chi phí khác	25	117.129.520	4.621.789.874
40	13. Lợi nhuận khác	25	2.034.464.467	11.691.864
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.317.230.949	20.459.453.396
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	4.322.972.376	4.345.300.036
52	16. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	27.3	506.558.608	(23.890.874)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		14.487.699.965	16.138.044.234
61	18. Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ		15.321.056.002	15.449.737.044
62	19. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20.5	(833.356.037)	688.307.190
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	20.4	596	601
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	20.4		601

Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập

Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>19.317.230.949</b>	<b>20.459.453.396</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	14.260.753.422	14.072.162.965
03	Hoàn nhập dự phòng		(15.449.037)	(168.273.271)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.891.203.868)	(7.043.324.474)
06	Chi phí lãi vay		1.075.895.724	2.278.020.487
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>28.747.227.190</b>	<b>29.598.039.103</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		54.107.709.132	(91.195.899.805)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(41.194.279.433)	47.168.759.408
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(75.302.827.775)	71.980.482.382
12	Giảm chi phí trả trước		263.143.254	5.952.369.585
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.057.365.385)	(2.292.433.370)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(2.658.906.057)	(2.260.140.804)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(37.095.299.074)</b>	<b>58.951.176.499</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(14.415.679.234)	(11.649.150.271)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	7.874.576.584
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(29.343.681.045)	(9.261.786.980)
24	Tiền thu hồi khoản gửi ngân hàng có kỳ hạn		14.969.230.646	17.425.042.723
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý năm giữ)		-	(10.846.338.134)
27	Cổ tức và lãi tiền gửi được nhận		5.222.841.691	5.925.883.229
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(23.567.287.942)</b>	<b>(531.772.849)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		3.080.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		60.456.854.985	48.121.290.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(48.121.290.000)	(43.524.037.005)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	20.2	(14.660.011.980)	(12.859.566.075)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	20.2	(1.603.380.000)	(457.381.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(847.826.995)</b>	<b>(8.719.694.580)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(61.510.414.011)	49.699.709.070
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		139.205.367.924	89.505.658.854
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	77.694.953.913	139.205.367.924



Vũ Thùy Minh Yên  
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Siêu Thanh và các công ty con như sau:

**Công ty**

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 554 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 617).

**Các công ty con**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 3 công ty con như sau:

**Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 90,00% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Thiết bị văn phòng Siêu Thanh, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

**Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 55,06% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

**Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 70,00% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313525196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 11 năm 2015, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Nam Thanh Sài Gòn là kinh doanh và lắp đặt máy điều hòa không khí, các sản phẩm điện lạnh, thang máy và máy phát điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng hóa – Ô tô nguyên chiếc - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng hóa – Thiết bị văn phòng - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Các quyền sử dụng đất*

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Các tài sản khác	3 - 6 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.13 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

##### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

##### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	242.387.792	370.008.633
Tiền gửi ngân hàng	14.922.621.979	43.930.131.406
Các khoản tương đương tiền (*)	62.529.944.142	94.905.227.885
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.694.953.913</u></b>	<b><u>139.205.367.924</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND trị giá 16,385,944,142 VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,8%/năm đến 3,5%/năm; và các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp trị giá 46,144,000,000 VND với kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 6,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thành phố Du lịch Sinh thái Sơn Tiên	27.937.108.320	-
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	4.116.373.842	5.947.736.606
Công ty Cổ phần Ô tô Hoàn Cầu	-	81.040.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tân Bình	-	25.950.000.000
Khác	70.577.445.752	46.390.359.612
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>102.630.927.914</u></b>	<b><u>159.328.096.218</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.879.489.994</b>	<b>7.076.091.070</b>
Tạm ứng cho nhân viên	2.604.427.650	724.213.523
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.370.000.000	5.406.097.022
Ký quỹ, ký cược	362.671.930	491.151.198
Khác	542.390.414	454.629.327
<b>Dài hạn</b>	<b>6.232.835.000</b>	<b>6.361.435.000</b>
Ký quỹ, ký cược	6.232.835.000	6.361.435.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.112.324.994</u></b>	<b><u>13.437.526.070</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	159.330.490.913	117.051.204.257
Công cụ, dụng cụ	253.876.779	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>159.584.367.692</b>	<b>117.051.204.257</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.949.656)	(290.398.693)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>159.309.418.036</u></b>	<b><u>116.760.805.564</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	290.398.693	458.671.964
Số hoàn nhập trong năm	<u>(15.449.037)</u>	<u>(168.273.271)</u>
Số cuối năm	<u>274.949.656</u>	<u>290.398.693</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>649.743.909</b>	<b>830.447.600</b>
Thuê văn phòng	301.784.667	330.735.607
Công cụ, dụng cụ	37.405.381	120.388.875
Khác	310.553.861	379.323.118
<b>Dài hạn</b>	<b>9.192.735.398</b>	<b>9.275.174.961</b>
Công cụ, dụng cụ	8.214.407.931	7.358.753.129
Tiền thuê đất	397.711.395	795.403.395
Khác	<u>580.616.072</u>	<u>1.121.018.437</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.842.479.307</u></b>	<b><u>10.105.622.561</u></b>

## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	231.137.720	52.397.724.748	9.036.562.918	627.582.285	1.817.485.674	64.110.493.345
Mua mới	-	117.000.000	1.469.975.182	-	-	1.586.975.182
Chuyển từ hàng tồn kho	-	11.897.026.755	-	-	-	11.897.026.755
Chuyển qua hàng tồn kho	-	(5.181.989.281)	-	-	-	(5.181.989.281)
Số cuối năm	231.137.720	59.229.762.222	10.506.538.100	627.582.285	1.817.485.674	72.412.506.001
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	231.137.720	21.589.947.209	1.583.312.553	627.582.285	1.817.485.674	25.849.465.441
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	(231.137.720)	(36.604.954.260)	(2.943.287.075)	(627.582.285)	(1.817.485.674)	(42.224.447.014)
Khấu hao trong năm	-	(11.006.239.605)	(1.126.449.813)	-	-	(12.132.689.418)
Chuyển qua hàng tồn kho	-	4.629.364.394	-	-	-	4.629.364.394
Số cuối năm	(231.137.720)	(42.981.829.471)	(4.069.736.888)	(627.582.285)	(1.817.485.674)	(49.727.772.038)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	-	15.792.770.488	6.093.275.843	-	-	21.886.046.331
Số cuối năm	-	16.247.932.751	6.436.801.212	-	-	22.684.733.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>202.287.487</u>	<u>158.510.000</u>	<u>360.797.487</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	202.287.487	158.510.000	360.797.487
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>(202.287.487)</u>	<u>(158.510.000)</u>	<u>(360.797.487)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	<i>Nhà cửa</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>27.782.120.978</u>	<u>49.687.460.000</u>	<u>77.469.580.978</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.461.421.000	-	1.461.421.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(12.598.097.369)	(9.677.124.000)	(22.275.221.369)
Hao mòn trong năm	<u>(1.052.828.004)</u>	<u>(1.075.236.000)</u>	<u>(2.128.064.004)</u>
Số cuối năm	<u>(13.650.925.373)</u>	<u>(10.752.360.000)</u>	<u>(24.403.285.373)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>15.184.023.609</u>	<u>40.010.336.000</u>	<u>55.194.359.609</u>
Số cuối năm	<u>14.131.195.605</u>	<u>38.935.100.000</u>	<u>53.066.295.605</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 21.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	28.381.101.523	-
Công ty TNHH Ricoh Việt Nam	4.162.657.973	13.280.129.483
Công ty Cổ phần Ô tô Đô Thành	-	63.950.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tân Phú	-	32.400.000.000
Công ty TNHH Mitsubishi Electric Việt Nam	-	7.354.381.320
Khác	8.151.721.586	4.651.895.859
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.695.481.082</b>	<b>121.636.406.662</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc tế Thực phẩm Lựa Chọn Đỉnh	1.606.001.167	1.606.001.167
Thái Kim Sơn	960.000.000	-
Nguyễn Thành Chánh Trực	566.400.000	-
Các bên khác	1.733.175.181	2.373.895.501
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.865.576.348</b>	<b>3.979.896.668</b>



Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND			
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.543.776.391	13.511.416.583	(11.468.694.092)	3.586.498.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp	535.692.334	4.408.417.243	(2.829.511.181)	2.114.598.396
Thuế thu nhập cá nhân	31.748.355	3.637.133.222	(2.538.554.875)	1.130.326.702
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.111.217.080</b>	<b>21.556.967.048</b>	<b>(16.836.760.148)</b>	<b>6.831.423.980</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	776.798.666	85.444.867	(170.605.124)	691.638.409
Thuế thu nhập cá nhân	241.279.639	-	(241.279.639)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.018.078.305</b>	<b>85.444.867</b>	<b>(411.884.763)</b>	<b>691.638.409</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng bán hàng	5.245.108.024	5.294.132.260
Phí dịch vụ thuê ngoài	117.500.000	177.500.000
Chi phí khác	1.480.153.623	546.792.907
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.842.761.647</u></b>	<b><u>6.018.425.167</u></b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.033.724.951</b>	<b>5.404.580.491</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	3.785.619.157	3.822.509.109
Phải trả khác	2.248.105.794	1.582.071.382
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.633.771.000	2.883.771.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.667.495.951</u></b>	<b><u>8.288.351.491</u></b>

**19. VAY NGẮN HẠN**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	<u>48.121.290.000</u>	<u>341.829.326.349</u>	<u>(329.493.761.364)</u>	<u>60.456.854.985</u>

Chi tiết các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	59.983.914.985	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2022 đến ngày 28 tháng 3 năm 2022	5,7
Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch quận Tân Phú và Quận 11	472.940.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2022 đến ngày 14 tháng 9 năm 2022	6,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>60.456.854.985</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	257.209.020.000	21.697.737.088	278.906.757.088
Cổ tức đã công bố	-	(12.860.451.000)	(12.860.451.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	15.449.737.044	15.449.737.044
Số cuối năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>24.287.023.132</u>	<u>281.496.043.132</u>
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	257.209.020.000	24.287.023.132	281.496.043.132
Cổ tức đã công bố (*)	-	(15.432.541.200)	(15.432.541.200)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	15.321.056.002	15.321.056.002
Số cuối năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>24.175.537.934</u>	<u>281.384.557.934</u>

(\*) Trong năm, Công ty đã công bố trả cổ tức với giá trị là 15.432.541.200 VND cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 24/NQ-ĐHĐCĐ/ST8 ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 52/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 1 tháng 11 năm 2021.

**20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>257.209.020.000</u>	<u>257.209.020.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	15.432.541.200	12.860.451.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	14.660.011.980	12.859.566.075
Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	1.606.800.000	457.381.500

**20.3 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.720.902	25.720.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ (VND)	15.321.056.002	15.449.737.044
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	<u>25.720.902</u>	<u>25.720.902</u>
<b>Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh</b>	<b>25.720.902</b>	<b>25.720.902</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	596	601
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	596	601

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**20.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát**

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	44.877.764.001	65.842.822.436
Phát hành cổ phiếu	3.080.000.000	-
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế	(833.356.037)	688.307.190
Hoàn trả vốn công ty con	-	(21.203.365.625)
Cổ tức đã công bố	<u>(1.606.800.000)</u>	<u>(450.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>45.517.607.964</u>	<u>44.877.764.001</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>795.018.641.517</b>	<b>1.145.138.077.868</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	707.216.107.428	1.046.794.949.339
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	78.724.897.725	93.801.992.165
<i>Doanh thu hoạt động cho thuê</i>	9.077.636.364	4.541.136.364
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>10.371.073.723</b>	<b>3.590.925.485</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	10.024.030.952	2.525.582.327
<i>Giảm giá hàng bán</i>	22.826.821	1.018.748.404
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	324.215.950	46.594.754
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>784.647.567.794</b>	<b>1.141.547.152.383</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	696.845.033.705	1.043.204.023.854
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	78.724.897.725	93.801.992.165
<i>Doanh thu thuần hoạt động cho thuê</i>	9.077.636.364	4.541.136.364

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.833.441.557	5.201.835.977
Thu nhập từ việc giải thể công ty con	-	2.760.933.808
Cổ tức	-	315.000.000
Khác	1.087.870.472	141.224.983
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.921.312.029</b>	<b>8.418.994.768</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	577.970.784.419	907.912.512.666
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.716.531.895	47.570.371.348
Giá vốn hoạt động cho thuê	2.128.064.004	2.128.064.004
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>633.815.380.318</b>	<b>957.610.948.018</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	72.345.552.476	81.576.206.223
Chi phí quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	7.813.233.316	17.865.631.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.201.197.303	4.261.310.200
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.137.302.446	1.734.734.001
Khác	5.126.305.276	4.530.910.621
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>88.623.590.817</u></b>	<b><u>109.968.792.592</u></b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	23.977.789.302	30.367.373.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.442.539.721	23.710.487.980
Khác	12.243.740.262	5.582.763.412
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.664.069.285</u></b>	<b><u>59.660.624.522</u></b>

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.151.593.987</b>	<b>4.633.481.738</b>
Tiền thưởng và hỗ trợ	1.738.994.940	3.949.782.305
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	-	469.523.184
Khác	412.599.047	214.176.249
<b>Chi phí khác</b>	<b>117.129.520</b>	<b>4.621.789.874</b>
Xóa sổ tài sản cố định	-	3.419.799.230
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	578.363.809
Khác	117.129.520	623.626.835
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>2.034.464.467</u></b>	<b><u>11.691.864</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	625.839.213.410	932.473.356.609
Chi phí nhân viên	101.756.534.555	120.200.089.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.147.759.569	38.804.945.815
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	14.260.753.422	14.072.162.965
Khác	15.098.779.464	21.689.810.234
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>772.103.040.420</u></b>	<b><u>1.127.240.365.132</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.408.417.243	4.225.129.860
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(85.444.867)	120.170.176
	<b><u>4.322.972.376</u></b>	<b><u>4.345.300.036</u></b>
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	506.558.608	(23.890.874)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.829.530.984</u></b>	<b><u>4.321.409.162</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.317.230.949</b>	<b>20.459.453.396</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	3.863.446.190	4.091.890.679
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	82.186.304	754.932.653
Lỗ phát sinh từ công ty con	969.343.357	452.062.415
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(85.444.867)	120.170.176
Chuyển lỗ	-	(34.129.822)
Cổ tức nhận được	-	(63.000.000)
Thuế TNDN được giảm	-	(448.330.177)
Chênh lệch lợi nhuận từ hoàn trả vốn công ty con	-	(552.186.762)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>4.829.530.984</b>	<b>4.321.409.162</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Nhóm Công ty ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ở công ty con	506.558.608	-	506.558.608	(23.890.874)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	207.000.000	216.000.000
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch/ Phó Tổng Giám đốc	552.000.000	635.426.830
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Tổng Giám đốc	494.500.000	570.024.391
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị	149.500.000	156.000.000
Ông Phạm Vĩnh Phú	Tổng Giám đốc	402.500.000	483.028.456
Bà Cái Kim Thoa	Trưởng Ban Kiểm soát	319.806.858	358.331.791
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	34.500.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên Ban Kiểm soát	34.500.000	36.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.194.306.858</b>	<b>2.490.811.468</b>

**29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	16.373.640.000	9.979.400.000
Từ 1 đến 5 năm	18.452.335.000	13.410.875.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.825.975.000</b>	<b>23.390.275.000</b>

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Thiết bị văn phòng; và
- ▶ Ô tô;

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

				VND
	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Ô tô</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	328.393.510.292	468.364.126.165	-	796.757.636.457
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10.371.073.723)	-	-	(10.371.073.723)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	223.273.562	2.084.500	(225.358.062)	-
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>318.245.710.131</b>	<b>468.366.210.665</b>	<b>(225.358.062)</b>	<b>786.386.562.734</b>
Chi phí bộ phận	(299.072.152.025)	(473.256.246.457)	225.358.062	(772.103.040.420)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>19.173.558.106</b>	<b>(4.890.035.792)</b>	<b>-</b>	<b>14.283.522.314</b>
Thu nhập tài chính				4.738.239.108
Lợi nhuận khác				295.469.527
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(4.829.530.984)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>				<b>14.487.699.965</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>493.222.045.162</b>	<b>146.856.144.764</b>	<b>(167.086.317.231)</b>	<b>472.991.872.695</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>82.678.860.030</b>	<b>80.723.548.433</b>	<b>(17.312.701.666)</b>	<b>146.089.706.797</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	315.108.554.294	833.979.305.879	-	1.149.087.860.173
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.619.278.170)	(971.647.315)	-	(3.590.925.485)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	3.536.829.610	126.255.043	(3.663.084.653)	-
<b>Doanh thu bộ phận</b>	<b>316.026.105.734</b>	<b>833.133.913.607</b>	<b>(3.663.084.653)</b>	<b>1.145.496.934.688</b>
Chi phí bộ phận	(299.284.170.328)	(831.619.279.457)	3.663.084.653	(1.127.240.365.132)
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>16.741.935.406</b>	<b>1.514.634.150</b>	<b>-</b>	<b>18.256.569.556</b>
Thu nhập tài chính				6.140.974.281
Lợi nhuận khác				(3.938.090.441)
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(4.321.409.162)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>				<b>16.138.044.234</b>
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>444.100.920.532</b>	<b>279.034.981.198</b>	<b>(190.758.285.125)</b>	<b>532.377.616.605</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>64.431.332.118</b>	<b>154.072.801.432</b>	<b>(12.500.324.078)</b>	<b>206.003.809.472</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: **13** /BCTC/ST

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

V/v Giải trình biến động kết quả kinh doanh  
trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán  
năm 2021 so với năm 2020Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh  
Ủy ban chứng khoán nhà nước

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Mã chứng khoán: ST8

Trụ sở chính: A20 Tân Phong, Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM

Điện thoại: (028) 6262.6688 Fax: (028) 6262.6777

Bảng liệt kê chi tiết chênh lệch các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021 so với 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên khoản mục	Năm 2021	Năm 2020	Giá trị (tăng/giảm)	Tỷ lệ (tăng/giảm %)
1	Doanh thu thuần	784,65	1.141,55	(356,90)	(31,3)
2	Giá vốn hàng bán	633,82	957,61	(323,80)	(33,8)
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>150,83</b>	<b>183,94</b>	<b>(33,10)</b>	<b>(18,0)</b>
4	Doanh thu tài chính	5,92	8,42	(2,50)	(29,7)
5	Chi phí tài chính	1,18	2,28	(1,09)	(48,1)
6	Chi phí bán hàng	88,62	109,97	(21,35)	(19,4)
7	Chi phí QLDN	49,66	59,66	(10,00)	(16,8)
8	Lợi nhuận từ HĐKD	17,28	20,45	(3,16)	(15,5)
9	Thu nhập khác	2,15	4,63	(2,48)	(53,6)
10	Chi phí khác	0,11	4,62	(4,50)	(97,5)
11	Lợi nhuận khác	2,03	0,01	2,02	17.300,7
12	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>19,32</b>	<b>20,46</b>	<b>(1,14)</b>	<b>(5,6)</b>
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,32	4,35	(0,02)	(0,5)
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0,51	(0,02)	0,53	2.220,3
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>14,49</b>	<b>16,14</b>	<b>(1,65)</b>	<b>(10,2)</b>
16	Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của công ty mẹ	15,32	15,45	(0,13)	(0,8)

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giảm 1,65 tỷ đồng so với năm 2020 tương đương tỷ lệ giảm 10,2%, nguyên nhân như sau:

- Lợi nhuận gộp giảm 33,1 tỷ đồng từ các công ty con, đặc biệt chiếm tỷ trọng lớn nhất là lợi nhuận gộp của Công ty ô tô Kim Thanh và Công ty cổ phần TBVP Siêu Thanh.
- Doanh thu tài chính năm 2021 giảm 2,5 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 29,7% so với năm 2020 chủ yếu là do Công ty ô tô Cường Thanh, vì năm 2021 Công ty ô tô Cường Thanh không còn hoạt động.

Tuy nhiên, hầu hết các khoản chi phí của cả hệ thống đều giảm là do tình hình dịch Covid – 19 kéo dài, nhưng tỷ lệ giảm vẫn không đáng kể so với tỷ lệ giảm của lợi nhuận gộp, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của toàn hệ thống giảm so với cùng kỳ, cụ thể:

- Chi phí tài chính giảm 1 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 48,1% chủ yếu là do Công ty Ô Tô Kim Thanh.
- Chi phí bán hàng giảm 21,35 tỷ đồng tương đương tỷ lệ giảm 19,4% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 10 tỷ đồng tương đương tỷ lệ giảm 16,8% do công ty giảm chi phí lương; và giảm chi phí khuyến mãi ngành ô tô so với năm 2020.
- Chi phí khác giảm 4,5 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 97,5% chủ yếu là ở Công ty Cường Thanh, ngược lại thu nhập khác giảm 2,48 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 53,6%, tỷ lệ giảm của thu nhập ít hơn tỷ lệ giảm của chi phí nên làm cho lợi nhuận khác tăng 2 tỷ đồng.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đinh Thị Hồng Vân**